

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH QNA**

Số: 89/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QNA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Trung Thiêng**.

2. Bà **Trần Thị Thúy Nga**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Huỳnh Tiểu Luận** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Kim Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2025, giữa cáHc đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị H**, sinh năm 1987 (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn Hòa Mỹ, xã Q, huyện Q, tỉnh Qna.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1989 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn Hòa Lâm, xã D, huyện D, tỉnh Qna.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 10/2/2025, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lưu Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Qna vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống. Ông Đ không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, thường xuyên vay mượn tiền bạc dẫn đến nợ nần. Ông Đ thường hay hăm dọa

và đánh đập bà. Đến năm 2020 thì cả hai không còn sống chung với nhau. Bà H cùng với hai con về sống với mẹ đẻ tại Quê Xuân, ông Đ không quan tâm đến gia đình, phần ai nấy sống. Đến nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không tiếp tục chung sống được nữa, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Huyền My, sinh ngày 05/5/2015 và Nguyễn Ngọc Huyền Trân, sinh ngày 05/5/2015. Bà H có yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

* Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, Ông Nguyễn Văn Đ chỉ viết văn bản trình bày ý kiến mà không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa nên vụ án không thể tiến hành hòa giải theo đúng qui định. Tại văn bản trả lời ý kiến ngày 25/3/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng. Ông Đ cho rằng cả hai không có mâu thuẫn gì, không có bạo lực đánh đập bà H. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay, nguyên nhân do ông Đ làm ăn bị thua lỗ, bế nợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn với nhau về tiền bạc. Bà H tự ý đưa 02 con về ở với mẹ đẻ tại Quê Xuân và cắt đứt liên lạc với gia đình ông. Bản thân ông nhiều lần động viên bà H hàn gắn nhưng bà H không đồng ý. Nay, bà H yêu cầu ly hôn thì ông Đ thống nhất ly hôn.

* Về con chung: Ông Đ thống nhất vợ chồng có 02 con chung như bà H đã trình bày. Ông Đ đồng ý giao 02 con cho bà H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con là ông xin tự nguyện, không yêu cầu ghi nhận trong Bản án, Quyết định của Tòa.

* Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân huyện D thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa là không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị H, cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 con chung tên là Nguyễn Ngọc Huyền My, sinh ngày 05/5/2015 và Nguyễn Ngọc Huyền Trân, sinh ngày 5/5/2015 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân bà Lưu Thị H (bản sao), giấy khai sinh Nguyễn Ngọc Huyền Trân và Nguyễn Ngọc Huyền My (bản sao); đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính), biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lưu Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Qna.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã D vào năm 2014, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vợ chồng chúng sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của các đương sự là do ông Đ làm ăn bị thua lỗ, nợ nần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và từ đó không còn chung sống với nhau. Nay, cả hai đều có nguyện vọng ly hôn và không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Huyền My, sinh ngày 05/5/2015 và Nguyễn Ngọc Huyền Trân, sinh ngày 05/5/2015. Hiện bà H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy cả hai cháu My và Trân đều có cuộc sống ổn định, học tập tốt, có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông Đ thống nhất giao 02 con cho bà H được nuôi dưỡng khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu My và Trân cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Bà Lưu Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Lưu Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lưu Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con Nguyễn Ngọc Huyền My, sinh ngày 05/5/2015 và Nguyễn Ngọc Huyền Trân, sinh ngày 05/5/2015 cho bà Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Bà Lưu Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), bà Lưu Thị H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 12547 ngày 13/02/20205 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/4/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Qna;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Vân

